

NHẬN DIỆN HÀNH ĐỘNG HỎI GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT

THS HOÀNG THI YẾN

Abstract:

Based on existing literature on questions and the speech act of questioning, the paper makes an attempt to highlight the basis for identifying indirect questions. Based on conversation data resource in Korean and Vietnamese, the paper describes the process and methods used to identify indirect questions and the level of pressure for information of indirect questions.

Key words: *Question action, indirect question, pressure for information of indirect questions, Korean.*

Mở đầu

Trong thực tiễn giao tiếp, việc nhận diện các hành động ngôn ngữ (HĐNN) gián tiếp gặp nhiều khó khăn hơn các HĐNN trực tiếp. Điều này có nguyên do từ việc người nói đã sử dụng những phương tiện ngôn ngữ chuyên để biểu đạt HĐNN trực tiếp này nhằm thực hiện một HĐNN khác một cách uyển chuyển hoặc mạnh mẽ hơn theo ý đồ giao tiếp của mình. Việc xác lập các phương pháp để nhận diện hành động hỏi (HĐH) gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt sẽ giúp người sử dụng ngôn ngữ thành công hơn trên con đường tích lũy tri thức, đáp ứng nhu cầu nhận thức.

Bài viết này kế thừa những kết quả nghiên cứu về HĐNN gián tiếp, thực hiện các thao tác tổng hợp, phân tích nhằm xác định: 1) khái niệm và căn cứ để nhận diện HĐH gián tiếp, 2) qui trình và các phương thức nhận diện HĐH gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt dựa trên nguồn ngữ liệu hội thoại trong tiếng Hàn và tiếng Việt,

3) xác định mức độ áp lực yêu cầu cung cấp thông tin của HĐH gián tiếp.

1. Khái quát về hành động hỏi gián tiếp

1.1. Khái niệm

Trong nhiều công trình nghiên cứu, các nhà Việt ngữ thường dùng thuật ngữ 'hành động hỏi gián tiếp' với nội hàm ý nghĩa để chỉ các HĐNN gián tiếp được thực hiện bởi kết cấu nghi vấn [3]. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng HĐH gián tiếp với tư cách là HĐNN yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện một cách gián tiếp bởi các phương tiện ngôn ngữ không phải kết cấu nghi vấn.

1.2. Nội hàm tính nghi vấn của hành động hỏi

Trong [7] chúng tôi đã xác định sáu tiêu chí cấu thành nên nội hàm tính nghi vấn của HĐH gồm: 1) người nói có điều chưa biết muốn biết, 2) có đối tượng tiếp nhận hành động ngôn ngữ phù hợp, 3) biểu đạt nhu cầu nhận thức bằng phương tiện ngôn ngữ, 4)

‘đáp ứng nhu cầu nhận thức’, 5) ‘các hình thức biểu đạt’, 6) phép dùng kính ngữ. Chúng tôi cũng nhận định: khi xác định tính nghi vấn của HĐNN, có thể loại ra tiêu chí 5 và 6 vì chúng mang tính chất chung cho mọi HĐNN.

1.3. Dấu hiệu nhận diện hành động hỏi gián tiếp

Đỗ Hữu Châu [1, 456-458] cho rằng: Để xác định một phát ngôn nào đó là do hành vi nào tạo ra, phải căn cứ vào các yếu tố: i) ngữ cảnh, ii) khả năng tái lập hoặc bổ sung các IFIDs (dấu hiệu ngôn hành) cho phát ngôn đó, iii) phát ngôn hồi đáp của người nghe. Do tính đa dạng của các biểu thức ngữ vi (BTNV) hỏi gián tiếp, các dấu hiệu chỉ dẫn hiệu lực ở lời cũng thể hiện khá đa dạng.

Kết quả khảo sát tư liệu của chúng tôi cho thấy có thể nhận diện HĐH gián tiếp căn cứ vào hai dấu hiệu chính sau: 1) phương tiện biểu đạt là kết cấu không mang hình thức nghi vấn, 2) có tính nghi vấn cao. Để nhận diện HĐH, HĐNN được xét trong 1) mối quan hệ với lời hỏi đáp cung cấp thông tin trong sự gắn kết với các yếu tố ngữ dụng và tình thái, kết hợp với khả năng tái lập và bổ sung các IFIDs của HĐH, 2) sự hiện diện của các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin tường minh hay hàm ẩn.

2. Nhận diện HĐH gián tiếp

2.1. Quy trình nhận diện HĐH gián tiếp

Quy trình nhận diện HĐH gián tiếp gồm các bước sau: 1) Xác định các BTNV thực hiện HĐH gián tiếp, 2) Kiểm định mức độ nghi vấn của HĐNN. Các BTNV thực hiện HĐH gián tiếp không mang hình thức của kết cấu nghi vấn như: BTNV cảm thán, BTNV cầu khiến, BTNV trần thuật.

Kiểm định tính nghi vấn của HĐNN căn cứ vào bốn tiêu chí [7]: 1) Người nói có điều chưa biết muốn biết, 2) có đối tượng tiếp nhận HĐNN phù hợp¹, 3) Biểu đạt (nhu cầu nhận thức) bằng phương tiện ngôn ngữ, 4) Đáp ứng nhu cầu nhận thức². Bên cạnh đó, cần chú ý tới khả năng khôi phục các yếu tố nghi vấn trong BTNV cảm thán, trần thuật và sự có mặt của các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin trong câu trần thuật và cầu khiến.

2.2. Nhận diện HĐH gián tiếp

2.2.1. Nhận diện qua mối quan hệ với lời hỏi đáp cung cấp thông tin

Đỗ Hữu Châu [1, 495] cho rằng: ‘vấn đề hành vi ngôn ngữ gián tiếp được đặt ra từ cả hai phía: tạo lập và tiếp nhận’. Lê Đông [2, 15-16] lập luận: Hỏi và trả lời là hai mặt của một quá trình thống nhất, là tiền đề tồn tại của nhau. Trong quá trình đối thoại, nếu người hỏi thiếu hụt thông tin thì ngược lại, người được hỏi cung cấp thông tin thiếu hụt đó. Tác giả khẳng định: Hỏi - trả lời là những ‘vòng khâu’, những bậc thang tiến tới sự hiểu biết trên con đường nhận thức.

Xuất phát từ tiền đề lí luận nêu trên, chúng tôi nhận thức được rằng: hỏi đáp cung cấp thông tin là một trong những tiêu chí nhận diện quan trọng không chỉ đối với HĐH trực tiếp. Đối với HĐH gián tiếp cần xét HĐNN trong mối quan hệ với lời hỏi đáp cung cấp thông tin và ảnh hưởng của các yếu tố ngữ dụng, tình thái; kết hợp với khả năng tái lập và bổ sung các IFIDs (dấu hiệu ngôn hành của HĐH).

2.2.1.1. Kết cấu trần thuật và lời hỏi đáp cung cấp thông tin

Để làm rõ mối quan hệ giữa HĐNN và hành động hỏi đáp cung cấp thông tin, ta hãy xét các đoạn thoại sau:

Đoạn thoại 1:

‘Nghe tiếng động, Đông nhồm dấy, uể oải giụi mắt, hơi có vẻ bị bắt ngờ:

(Sp1) - Nghe cô Phượng nói, cô đi một tuần mới về.

(Sp2) - *Thích thì về, ai cấm được...?*

(Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn, Nxb Trẻ, 2011, tr.269).

Về hình thức, phát ngôn của Sp1 không mang hình thức/ kết cấu nghi vấn. Theo chúng tôi, câu nói của nhân vật Đông đã bị lược đi thành phần nghi vấn (là kết cấu nghi vấn hay dấu hỏi) theo nguyên tắc kinh tế trong ngôn ngữ như sau:

- Nghe cô Phượng nói, cô đi một tuần mới về (mà), *sao (cô) lại về hôm nay?*

- Nghe cô Phượng nói, cô đi một tuần mới về (?).

(Trường hợp này cũng có thể cho rằng, người nói đã sử dụng ngữ điệu hỏi).

Có thể thấy mối quan hệ có mâu thuẫn của cặp vợ chồng trong đoạn thoại qua việc thực hiện hành động hỏi và trả lời. Hành động hỏi được thực hiện gián tiếp bằng cách dẫn lại thông tin về người vợ mà người chồng biết được qua người em dâu, hành động trả lời dăm dẩn, hơi bất cần của người vợ cho thấy cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng của hai người đang khá căng thẳng và xa cách.

Đoạn thoại 2:

손님:... 이집은뭘 제일 맛있게 해요?

종업원: 불고기가 맛있어요...

손님: 냉면도 잘 한다고 들었는데.

종업원: 예, 물냉면과 빙냉면 두 가지가 있어요.

(Tiếng Hàn - 3, Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, 2007, tr.113.)

Tuy người khách lần đầu tiên đến dùng bữa tại nhà hàng nhưng anh đã có những thông tin về các món ăn ngon nơi đây. Tuy vậy, anh hỏi như chưa hề biết gì cả:

Khách hàng: *Nhà hàng mình có món gì ngon nhất thế?*

Nhân viên phục vụ: *Pulgogi ngon lắm ạ.*

Câu trả lời dường như không hoàn toàn trùng khớp với thông tin mà khách hàng đã biết, anh muốn xác nhận điều đã được nghe về nhà hàng:

Khách hàng: Nghe nói mì lạnh cũng ngon lắm mà. (Đúng vậy không?)

Nhân viên phục vụ: *Vâng, có 2 loại mì lạnh nước và mì lạnh trộn ạ.*

Đoạn thoại 3:

스미스:이편지를 항공편으로 부치려고 하는데요.

Smits: Tôi định gửi bức thư này bằng đường hàng không.

(*Tôi phải làm thế nào? Tôi cần đến quầy nào?*).

직원 A: 편지는 2 번 창구로 가세요.

Nhân viên A: *Mời anh qua quầy số 2.*

(Tiếng Hàn - 1, Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, 2007, tr. 212).

Có thể thấy, Smits lần đầu tiên đến bưu điện này nên không biết phải gửi thư ở đâu, nhân viên A bằng kinh nghiệm của mình, hiểu ngay điều khách hàng muốn biết nên đã cung cấp thông tin thích hợp và hướng dẫn khách hàng hiệu quả.

Hãy xét thêm tình huống một bệnh nhân đến khám ở bệnh viện.

Đoạn thoại 4:

환자: 진찰을 받고 싶은데요.-

Bệnh nhân: Tôi muốn khám bệnh.

간호사: 이 병원에는 처음이세요?

- Y tá: Anh đến đây lần đầu à?

환자: 아니요. 세 번째예요.

- Bệnh nhân: Không, lần này là thứ ba.

간호사: 성함이 어떻게 되세요?

- Y tá: Tên anh là gì?

환자: 김대수예요.

- Bệnh nhân: Tôi là Kim Dae Soo.

(Tiếng Hàn - 2, Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, 2007, tr. 58).

Theo chúng tôi có thể phân tích tình huống này như sau: Đây là lần thứ 3 người bệnh đến khám ở bệnh viện này, nên nêu cho rằng bệnh nhân bỡ ngỡ, hoàn toàn không biết phải làm như thế nào như ở đoạn thoại số 3 là điều vô lí. Tuy nhiên, trong thực tế, mặc dù đã đến bệnh viện vài lần nhưng mỗi lần đến lại vì một lí do khác nhau, vì vậy, khi cho rằng, bệnh nhân có điều chưa biết cần được giải đáp qua nhân viên y tá là điều có thể chấp nhận được. Vấn đề là HDNN này thiếu lời hỏi đáp cung cấp thông tin nên mức độ nghi vấn không cao, không thể coi là HDH.

Bảng 2-1: Kiểm định tính nghi vấn của HDNN

TT	Tính nghi vấn	Đth1	Đth2	Đth3	Đth4
1	Người nói có điều chưa biết muốn biết/ có điều chưa rõ muốn làm cho rõ	O	O	O	*
2	Có đối tượng tiếp nhận HDNN phù hợp	O	O	O	O
3	Biểu đạt (như câu nhận thức) bằng phương tiện ngôn ngữ	O	O	O	O
4	Đáp ứng nhu cầu nhận thức	O	O	X	X
Tổng		4/4	4/4	4/4	2.5/4
Hành động ngôn ngữ		HDH	HDH	HDH	HENN

(Chúng tôi sử dụng kí hiệu O với nghĩa đáp ứng được, X không đáp ứng được và * với nghĩa không rõ ràng, có thể đáp ứng nhưng cũng có thể không đáp ứng được hoàn toàn tiêu chí tương ứng của HDH).

Có thể thấy, khi kiểm định tính nghi vấn của HDNN, nhu cầu nhận thức của người nói là một trong những tiêu chí mang tính quyết định việc HDNN có thể được coi là HDH hay không. Trong [7] chúng tôi cũng đã nhấn mạnh tiêu chí này.

Việc nhu cầu nhận thức đó được biểu đạt bằng phương tiện ngôn ngữ và hướng tới một đối tượng giao tiếp phù hợp (theo cách đánh giá của người nói) là những nhân tố đảm bảo HDH được thực hiện. Tiêu chí thứ tư nếu được đáp ứng ta sẽ có 'vòng khâu' nhận thức, ngược lại, nếu không nhận

được thông tin cần biết muốn biết, nhu cầu nhận thức sẽ không được thỏa mãn - 'vòng khâu' nhận thức không được khép kín, ta không thể bước thêm một bậc thang nào để tiến tới sự hiểu biết trên con đường nhận thức [2, 15-16].

2.2.1.2. Kết cấu cảm thán và lời hỏi đáp cung cấp thông tin

Kết quả khảo sát tư liệu cho thấy số lượng các trường hợp này xuất hiện không nhiều. Chúng tôi xin dẫn lại và phân tích sâu hơn tình huống giao tiếp trong Hoàng Thị Yến [5, 107-108]:

Đoạn thoại 5: Hai người bước vào văn phòng (hàng ngày vốn rất bừa bộn) được trang trí rất đẹp mắt. Một người thốt lên:

Sp1- *Oa, đẹp quá!*

Sp2- *Sáng nay chúng em dọn dẹp và trang trí đấy.*

Như vậy, Sp2 đã ngầm hiểu phát ngôn trọn vẹn của Sp1 là: '*Oa, đẹp quá! Ai làm thế?*' và cung cấp thông tin mà SP2 nghĩ là Sp1 muốn biết. Tuy nhiên, để HĐNN này thỏa mãn các điều kiện của HĐH cần có một hoàn cảnh thích hợp. Chẳng hạn như: Văn phòng - nơi làm việc và sinh hoạt chung của một nhóm tổ chức nhỏ, thường ngày rất bừa bộn, các thành viên trong tổ chức đó chưa tự giác trong việc phân công nhau làm vệ sinh, dọn dẹp. Cấu trúc hoàn chỉnh của liên phát ngôn ẩn này như sau: '*Câu cảm thán + phương tiện nghi vấn*'.

Vai trò của mối quan hệ giữa hỏi và trả lời và các yếu tố ngữ dụng là vô cùng quan trọng trong việc nhận diện hành động hỏi khi chúng được biểu đạt bằng các phương tiện ngôn ngữ khác, không phải kết cấu nghi vấn. Để xác định một kết cấu trần thuật nào đó chính là một câu hỏi nhận thức bị tính lược yếu tố nghi vấn (Trần thuật + phương tiện nghi vấn), xác định một liên phát ngôn ẩn (Cảm thán + phương tiện nghi vấn) của cấu trúc cảm thán, chúng ta cần xét đến sự có hay không có mặt một hành động hỏi đáp có giá trị cung cấp thông tin mới mà người hỏi chưa biết muốn biết hoặc xác nhận điều chưa rõ người nói muốn làm rõ. Nhu cầu nhận thức này cần được xác định dựa vào các yếu tố ngữ dụng, tình thái của hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Đồng thời, kết hợp với thao tác 'thử lấp đầy chỗ trống' bằng các phương

tiện (hay yếu tố) nghi vấn cho các phát ngôn đó³.

2.2.2. Nhận diện qua các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin

Searle ứng dụng bốn tiêu chí phân loại HĐNN: đích ở lời, hướng khớp ghép lời với hiện thực, trạng thái tâm lí được thể hiện, và nội dung mệnh đề để phân lập thành năm loại HĐNN. Đó là: 1) Tái hiện (representatives), 2) Điều khiển (directives), 3) Cam kết (commissives), 4) Biểu cảm (expressives), 5) Tuyên bố (declarations) [1, 474-475]. Ông xếp 'hỏi' là một tiêu loại trong 'điều khiển' có nội dung mệnh đề là hành động tương lai của người nghe.

Các nhà nghiên cứu thống nhất quan niệm HĐNN gián tiếp thường được biểu đạt bằng các phương tiện ngôn ngữ có hình thái cấu trúc không phải là loại kết cấu mà HĐNN trực tiếp thường biểu đạt. Xuất phát từ cơ sở lí luận này, ta có HĐH gián tiếp được thực hiện bởi các kết cấu cầu khiến và xác tín và theo chúng tôi, có thể nhận diện chúng qua các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin thể hiện một cách tường minh, rõ ràng hoặc gián tiếp, hàm ẩn.

2.2.2.1. Biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin trong kết cấu cầu khiến

Với BTNV cầu khiến, chúng tôi thường thấy xuất hiện các kết cấu được bắt đầu bằng các mệnh đề yêu cầu cung cấp thông tin. Căn cứ vào mức độ cao thấp của áp lực yêu cầu cung cấp thông tin, ta có các nhóm sau:

1) Ra lệnh cung cấp thông tin: *Anh hãy/ phải giải thích, anh hãy lựa chọn, anh hãy xác nhận, anh hãy trả lời dứt khoát, hãy nói về...* hoặc mang tính chất hối thúc, ép buộc, ít lịch sự hơn bằng cách nói trống không, lược bỏ

chủ ngữ: *Trả lời đi, xác nhận đi, nói đi, chọn đi, giải thích đi,...*

2) Đề nghị cung cấp thông tin: *Tôi đề nghị/ yêu cầu/ anh giải thích về/ xác nhận về... hay lược bỏ chủ ngữ: Đề nghị anh..., yêu cầu anh...*

3) Khuyến cung cấp thông tin: *Anh nên /cần giải thích/ lựa chọn/ xác nhận...*

4) Gợi ý cung cấp thông tin: *Anh có thể nói về/ giải thích về/ trình bày về...*

Với các mệnh đề trên, yêu cầu cung cấp thông tin được thể hiện một cách khá rõ ràng, tường minh và mang tính áp đặt cao, ít chú ý đến thể diện của người nghe. Hãy xét thí dụ sau:

Đoạn thoại 6:

선생님: 오늘은 장래 희망에 대해서 이야기해봅시다. 자기가 하고 싶은 일을 말해보세요.

Thầy giáo: Hôm nay chúng ta sẽ cùng nói về hi vọng trong tương lai. Các em hãy nói về việc mình muốn làm.

대수: 저는 경찰관처럼 남에게 봉사하는 일을 하고 싶어요.

Daesoo: *Tôi muốn phục vụ nhân dân như các cảnh sát.*

미아: 저는 어릴 때부터 학생들을 가르치는 선생님이 되고 싶었어요.

Mia: *Từ nhỏ, tôi đã muốn trở thành cô giáo dạy các em học sinh.*

(Tiếng Hàn - 2, Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, 2007, tr. 148).

HDNN mà người thầy thực hiện ở đây không chỉ đơn thuần là yêu cầu cung cấp thông tin về việc làm trong tương lai mà học sinh của mình muốn làm. Người thầy đang rèn kỹ năng nói về kế hoạch trong tương lai bằng tiếng Hàn cho các học viên nước ngoài. Tuy nhiên, người thầy cũng có thể sử dụng các BTNV hỏi sau để thực hiện HDNN tương tự:

앞으로 무엇을 하고 싶어요?

미래의 계획은 무엇입니까?

졸업한 후 무슨/ 어떤 직업을 하고 싶어요?

2.2.2.2. *Biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin trong kết cấu trần thuật*

Yêu cầu cung cấp thông tin thể hiện qua hành vi xác tín được thể hiện một cách hàm ẩn, ít tường minh hơn. Theo tiêu chí như câu nhận thức, các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin hàm ẩn trong BTNV trần thuật có thể phân thành các nhóm sau:

1) Thể hiện thái độ thừa nhận thiếu hụt thông tin: *Tôi không rõ/ không hiểu/ vẫn lẫn lộn/ chưa hiểu...,*

2) Thể hiện nhu cầu/ mong muốn nhận thức: *Tôi muốn biết/ tôi rất tò mò/ tôi thắc mắc về/ tôi rất hứng thú...,*

3) Thể hiện yêu cầu nhận thức ở mức độ cao: *Tôi cần/ phải biết, tôi cần phải biết, tôi (cũng) nên biết về..., tôi không thể không biết gì về...,*

Đoạn thoại 7:

다혜: ...왜들 외국에서 들어온 것들만 좋아하는지 모르겠어요.

Dahye: *Tôi không hiểu vì sao mọi người chỉ thích đồ ngoại nhập*

누리: *아마도 남들이 하는 대로 따라하기 때문이 아닐까요?...*

Nuri: *Liệu có phải là vì mọi người đều học đòi theo nhau không?*

(Tiếng Hàn - 3, Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, 2007, tr. 154).

Hành động hỏi đáp cung cấp thông tin được thực hiện bởi một BTNV có kết cấu nghi vấn thể hiện sự không chắc chắn của Nuri về thông tin mình đưa ra. Tuy vậy, chắc chắn Dahye cũng sẽ bằng lòng với lời đáp đó.

Đoạn thoại 8:

미아: *여보세요, 안내입니까?*

Mia: A lô, bộ phận giải đáp phải không ạ?

안내: 감사합니다. 전화전보 안내입니다.

Hướng dẫn: Xin cảm ơn. Bộ phận giải đáp điện thoại, điện báo xin nghe.

Mia: 국제교육진흥원의 전화번호를 알구 싶은데요.

Mia: Tôi muốn biết số điện thoại của Viện chấn hưng giáo dục quốc tế.

안내: 국제교육진흥원 말씀이십니까? 잠시만 기다리세요.

Hướng dẫn: Ý chị là Viện chấn hưng giáo dục quốc tế ạ? Chị chờ cho một lát.

(Tiếng Hàn -2, Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, 2007, tr. 81).

Trong thực tế, để có được thông tin về số điện thoại của Viện chấn hưng giáo dục quốc tế, Mia có thể sử dụng những biểu thức ngữ vi sau:

국제교육진흥원의 전화번호를 알려주시겠습니까?

국제교육진흥원의 전화번호는 몇 번입니까?

국제교육진흥원의 전화번호는 어떻게 되나요?

국제교육진흥원의 전화번호를 하려면 몇번을 걸어야 됩니까?

Đoạn thoại 9:

동호: 요즘 장신호씨 건강은 어떠신지 사장님이 많이 궁금해 하시는데...

Dongho: Bà chủ của chúng tôi rất muốn biết dạo này sức khỏe của anh Jang Shin Ho thế nào...

세라: 많이 좋아졌어요! 자세한 건 그 안에 메모로 남겼군요!

Sera: Khá lên nhiều rồi ạ. Tôi đã ghi cụ thể và để trong đó rồi đấy.

동호: 예, 사장님이 좋아하시겠네요!

Dongho: Vâng, chắc bà chủ sẽ vui lắm.

(Mỗi nhân duyên, Tập 10, Đài truyền hình KBS, Hàn Quốc).

Trong đoạn thoại trên, nhu cầu nhận thức không phải là của Dongho. Anh ta chỉ thừa lệnh bà chủ, muốn tìm hiểu xem sức khỏe của bác sĩ Jang ra sao. Việc truyền đạt lại yêu cầu cung cấp thông tin của người thứ ba tới đối tượng giao tiếp và tiếp nhận thông tin đó, theo chúng tôi cũng đáp ứng được các tiêu chí của HĐH. (Việc phân định HĐH thể hiện yêu cầu của bản thân người nói và HĐH thể hiện nhu cầu nhận thức của người thứ ba cần được nghiên cứu sâu hơn trong những nghiên cứu tiếp theo).

Bảng 2-2: Kiểm định tính nghi vấn của HĐNN

TT	Tính nghi vấn	Đth 6	Đth 7	Đth 8	Đth 9
1	Người nói có điều chưa biết muốn biết/ có điều chưa rõ muốn làm cho rõ	0	0	0	0
2	Có đối tượng tiếp nhận HĐNN phù hợp	0	0	0	0
3	Biểu đạt (nhu cầu nhận thức) bằng phương tiện ngôn ngữ	0	0	0	0
4	Đáp ứng nhu cầu nhận thức	0	0	0	0
Tổng		4/4	4/4	4/4	4/4
Hành động ngôn ngữ		HĐH	HĐH	HĐH	HĐH

Kết quả khảo sát tư liệu cho thấy có một số trường hợp HĐNN tuy được thực hiện bởi các biểu thức yêu

cầu cung cấp thông tin nhưng lại không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của HĐH. Điểm đáng lưu ý là, chúng ta chỉ có

thể căn cứ vào ngữ cảnh cụ thể mới có thể xác định và đánh giá chính xác các trường hợp này.

Đoạn thoại 10:

인호: 엄마가 시장에서 잃어버렸다고 하셨는데... 어떻게 잃어버리셨어요?

Inho: *Bố bảo là mẹ con để lạc đứa trẻ đó ở ngoài chợ... Chuyện là thế nào ạ?*

일남: *지 애비 그렇게 되고 내가 키우겠다고 데려왔는데 갑자기 고아가 돼서 그런지 영식 구들하구 어울리질 못 했어요!*

Innam: *Vì bố của cậu ta như vậy nên bố đưa về định nuôi. Nhưng thằng bé bị sốc vì bỗng nhiên trở thành trẻ mồ côi nên không thể hòa hợp với mọi người trong nhà.*

인호: 그래서요...?

Inho: *Rồi sao ạ...?*

일남: *니 엄마는 처음부터 그 애 데려다 키우는 걸 반대했다! 지금 생각해보면 아마도 자기 때문에 이 친구가 죽었다는 죄책감 때문이었겠지...*

Innam: *Ngay từ đầu, mẹ con đã phản đối việc nuôi đứa bé. Giờ nghĩ lại, có lẽ vì mẹ con cảm thấy mình có lỗi trong cái chết của người bạn đó.*

인호: ...!

Inho: ...!

일남: *일이 잘못 되려고 그랬는지 왜 하필 그날 그 애 데리고 장에 갔는지 모르겠어. 얼굴이 사색이 돼서 정신없이 울면서 그 애 잃어버렸다는 거야! (한숨)... 그게 그애랑 끝이었어!*

Innam: *Bố cũng không biết tại sao bỗng nhiên hôm đó mẹ con lại dẫn thằng bé đi chợ để đến nỗi xảy*

ra chuyện tày trời như thế. *Mẹ con về nhà với gương mặt trắng bệch như người chết, khóc như điên và nói là đã để lạc mất đứa bé (thờ dài)... Thế là từ đó không gặp lại nó nữa!*

인호: *설마...엄마가 일부러 그러셨다고 생각하시는 건 아니죠?*

Inho: *Không thể có chuyện ấy... Bố không cho là mẹ con cố tình làm như thế chứ?*

일남: *(착잡히 강물 내려다 보며) 지금 생각하면 내가 니엄마한테 참 못할 짓 많이 했다... 그때는 왜 그렇게 니 엄마가 미웠는지 무슨 애길 해도 안 믿었으니까!*

Innam: *(nhìn xuống sông với vẻ buồn bã) Giờ nghĩ lại thì bố đã làm nhiều chuyện không phải với mẹ của con... Khi đó không hiểu sao bố lại ghét mẹ con đến mức mẹ con nói gì bố cũng không tin!*

인호: *아빠! 마음 아파하지 마세요...그애...어딘가에 분명 잘 살구있을 거예요...우리...그렇게 믿어요!*

Inho: *Bố, bố đừng đau lòng nữa. Đứa bé đó chắc đang sống rất vui về ở đâu đó thôi.. Chúng ta.. cứ tin là vậy!*

일남: *(착잡히)...!*

Innam *(buồn bã)...!*

(Mỗi nhân duyên, Tập 43, Đài truyền hình KBS, Hàn Quốc).

Hai HDNN được đánh dấu trong đoạn thoại 10 đều không đáp ứng đầy đủ các điều kiện của HDH vì chúng có tính nghi vấn ở mức độ thấp. Inho không phải là đối tượng phù hợp có thể giải thích được điều Innam băn khoăn. Toàn bộ đoạn thoại cho thấy, Innam hồi tưởng và tâm sự với con gái về những kí ức trong quá khứ và tỏ ra hối hận về những gì mình đã

làm và nghĩ về vợ. Qua đó, có thể thấy, ý định muốn làm rõ những điều mình chưa rõ, chưa biết của người

nói không được thể hiện rõ ràng. Cả hai HDNN trên cũng không có hành động hỏi đáp cung cấp thông tin.

Bảng 2-3: Kiểm định tính nghi vấn của HDNN

TT	Tính nghi vấn	Đth 10-1	Đth 10-2
1	Người nói có điều chưa biết muốn biết/ chưa rõ muốn làm cho rõ	*	*
2	Có đối tượng tiếp nhận HDNN phù hợp	X	X
3	Biểu đạt (nhu cầu nhận thức) bằng phương tiện ngôn ngữ	O	O
4	Đáp ứng nhu cầu nhận thức	X	X
Tổng		1,5/4	1,5/4
Hành động ngôn ngữ		HĐNN	HĐNN

3. Xác định mức độ áp lực của yêu cầu cung cấp thông tin

Hành động hỏi được thực hiện trực tiếp qua BTNV hỏi và gián tiếp qua các BTNV khác. Theo mức độ áp đặt và biểu hiện lịch sự từ cao xuống thấp của người hỏi đối với người được yêu cầu cung cấp thông tin, có thể phân thành từng nhóm theo thứ tự sau:

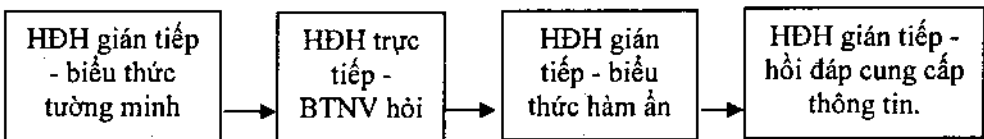
Nhóm 1: HĐH gián tiếp thực hiện bằng các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin một cách tường minh (ra lệnh, đề nghị, khuyên, gợi ý cung cấp thông tin). Gọi tắt là *HĐH gián tiếp - biểu thức tường minh*.

Nhóm 2: HĐH trực tiếp thực hiện bằng các BTNV hỏi (phán định, giải thích, lựa chọn, xác nhận thông tin) [6], [7]. Gọi tắt là *HĐH trực tiếp-BTNV hỏi*. Nhóm 2 có thể chia thành

hai cấp độ: cấp độ thứ nhất là HĐH biểu đạt bằng BTNV chứa động từ ngữ vi: *Tôi hỏi anh mai anh có đi không?*, cấp độ thứ hai có áp lực thấp hơn là HĐH được thực hiện bởi BTNV hỏi nguyên cấp: *Mai anh có đi không?* (Quan điểm của Austin dẫn trong [1, 456-458]).

Nhóm 3: HĐH gián tiếp thực hiện bằng các biểu thức yêu cầu cung cấp thông tin một cách hàm ẩn (thờ nhận thiếu hụt, mong muốn, yêu cầu nhận thức cao). Gọi tắt là *HĐH gián tiếp - biểu thức hàm ẩn*.

Nhóm 4: HĐH gián tiếp thực hiện bằng các kết cấu trần thuật (tính lược phương tiện nghi vấn), kết cấu cảm thán (với hình thức liên phát ngôn ẩn). Gọi tắt là *HĐH gián tiếp - hỏi đáp cung cấp thông tin*.



Trong thực tế giao tiếp và thực hiện HĐH, áp lực yêu cầu cung cấp thông tin càng cao, mức độ đe dọa

thể diện đối phương càng lớn. Vì vậy, việc xác định rõ mức độ áp lực của các tiểu nhóm BTNV thực hiện HĐH

trực tiếp và gián tiếp, sử dụng chúng một cách linh hoạt, phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp là yếu tố mang tính quyết định mang lại thành công cho cuộc tương tác ngôn ngữ đáp ứng nhu cầu nhận thức.

Kết luận

Bài viết đã xác định căn cứ, phương pháp nhận diện cũng như xác định mức độ cao thấp của áp lực yêu cầu cung cấp thông tin của các tiểu nhóm HĐH gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu mang ý nghĩa lí luận ngôn ngữ và thực tiễn giáo dục - giao tiếp xã hội, góp phần quan trọng trong việc chuẩn bị cơ sở cho nghiên cứu sâu hơn về các phương thức yêu cầu cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu nhận thức. Trong tương lai, việc phân tích một cách đầy đủ và hệ thống đặc điểm của HĐH gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt là hướng nghiên cứu tiếp theo của chúng tôi về đề tài này.

CHÚ THÍCH

¹ Một đối tượng tiếp nhận hành động ngôn ngữ phù hợp có nghĩa là: trong đánh giá của Sp1 thì Sp2 có khả năng đáp ứng nhu cầu nhận thức của mình hoặc có tinh thần cộng tác trong tiến trình tương tác. Với câu hỏi tự vấn, áp dụng với trường hợp bản thân người nói được khách thể hóa thành đối tượng giao tiếp.

² Đáp ứng nhu cầu nhận thức bằng hành động hỏi đáp cung cấp hoặc xác nhận thông tin. Không hỏi đáp hoặc hỏi đáp không cung cấp thông tin được coi là không đáp ứng nhu cầu nhận thức.

³ Xem thêm [4, 173-174], khái niệm các 'phương tiện nghi vấn' bị tình lược

(hay ẩn đi) trong các thí dụ trên có thể chỉ là các yếu tố (từ, ngữ) nghi vấn, cũng có thể là một kết cấu nghi vấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập 2, Đại cương - Ngữ dụng học - Ngữ pháp văn bản, Nxb GD, 2005, 927tr.

2. Lê Đông, *Ngữ nghĩa - ngữ dụng câu hỏi chính danh (trên ngữ liệu tiếng Việt)*, ĐHKH XH & NV, ĐHQG, H., 1996.

3. Đặng Thị Hào Tâm, *Cơ sở lí giải nghĩa hàm ẩn của các hành vi ngôn ngữ gián tiếp trong hội thoại*, Luận án tiến sĩ, ĐHSPhà Nội, 2003.

4. Hoàng Thị Yên, *Cách phân loại câu hỏi trong tiếng Việt*, HTQT Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt lần thứ nhất, Hội giảng dạy tiếng Việt quốc tế - International Association of Teaching Vietnamese và Trường ĐH KHXH & NV-ĐHQG Tp. HCM, Bình Châu, Nam Bộ, 2011, tr 162-175.

5. Hoàng Thị Yên, *Về một số khái niệm liên quan đến câu hỏi và hành động hỏi trong tiếng Việt*, T/c Từ điển học và Bách khoa thư, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Số 6 (14) 11-2011.

6. Hoàng Thị Yên, *Mối quan hệ giữa tính nghi vấn và HĐNN trong câu hỏi (Trên cứ liệu tiếng Hàn và tiếng Việt)*, T/c Ngôn ngữ, Số 6, 2013.

7. Hoàng Thị Yên, *Cơ chế nhận diện hành động hỏi trực tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt*, T/c Hàn Quốc, Hội nghiên cứu Hàn Quốc học VN, Số 2, 12/2012.